

Số: 05 /2018/QĐDS-ST

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 623; 649; 650; 651; 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2018/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ V V, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Số 23 ngách 70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

Bi đơn: Ông Vũ V M, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số 23 ngách 70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Đ Ng, sinh năm 1931

Nơi cư trú: Thôn A M, xã Tr Đ, huyện Tr N, tỉnh Nam Định.

2. Bà Vũ Th Q, sinh năm 1949

Nơi cư trú: Số 1 ngõ D vạn Ph, phường K M, quận BĐ, Hà Nội.

3. Bà Đỗ Th B, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú: Số 112 Quán Th, quận BĐ, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 23 ngách 70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

4. Bà Nguyễn Th B Ng, sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú: Số 23 ngách 70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

5. Anh Vũ Hoàng S, sinh năm 1992

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 23 ngách 70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

6. chị Vũ Linh Ch, sinh năm 1995

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 23 ngách 70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Cụ Vũ Đình C có vợ cả là cụ Vũ Thị T (cụ T chết khoảng năm 1952). Cụ C và cụ T có 02 người con đẻ là ông Vũ Đình Ng, sinh năm 1931 và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1949. Năm 1953 cụ Cang xây dựng gia đình với cụ Phạm Thị X và sinh được 03 người con chung là:

1. Vũ Văn B, sinh năm 1955 là liệt sỹ hy sinh năm 1975 (chưa có vợ con).
2. Vũ Văn V, sinh năm 1957
3. Vũ Văn M, sinh năm 1960

Ngoài những người con trên cụ C, cụ X không có người con nuôi và con riêng nào khác.

Ngày 05 tháng 8 năm 2006 cụ Vũ Đình C chết không để lại di chúc. Ngày 20 tháng 11 năm 2007 cụ Phạm Thị X chết không để lại di chúc.

Thời điểm mở thừa kế của cụ C là ngày 05/8/2006. Thời điểm mở thừa kế của cụ X là ngày 20/11/2007.

Nay ông Ng, bà Q, ông V, ông M, bà B, bà Ng cùng thống nhất xác nhận di sản của cụ C và cụ X để lại là nhà đất tại số 23/70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội. Nguồn gốc đất trên là do cụ C, cụ X được tặng cho. Năm 2004 UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 10109073274 ngày 07/12/2004 cho cụ Vũ Đình C và cụ Phạm Thị X với diện tích sử dụng là: 19,60m², diện tích xây dựng là: 19,60m², kết cấu bê tông, số tầng: 01, thửa đất số 20, tờ bản đồ số: 7G-IV-42, diện tích: 19,60m², hình thức sử dụng riêng, theo hồ sơ gốc 3122.2004.UBND.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Đình Ng, bà Vũ Thị Q từ chối quyền hưởng di sản thừa kế phần nhà đất của cụ Vũ Đình C để lại tại số 23 /70 ngõ V Ch, phường V Ch quận ĐĐ, Hà Nội. Ông Ng, bà Q nhất trí tặng cho lại kỷ phần của ông Ng, bà Q được hưởng cho ông Vũ Văn V và Vũ Văn M. Ông Vũ Văn V, ông Vũ Văn M nhất trí nhận kỷ phần thừa kế của ông Ng, bà Q tặng cho.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Ng, bà Q, ông V, ông M thống nhất để ông Vũ Văn V và ông Vũ Văn M được hưởng thừa kế di sản của cụ Vũ Đình C và cụ Phạm Thị X để lại là diện tích đất 19,60m², diện tích xây dựng là: 19,60m², kết cấu bê tông, số tầng: 01, thửa đất số 20, tờ bản đồ số: 7G-IV-42, đã được UBND quận Đống Đa, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109073274 ngày 07/12/2004 cho cụ Vũ Đình C và cụ Phạm Thị X, theo hồ sơ gốc 3122.2004.UBND.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn V bà Đỗ Thị B, ông Vũ Văn M bà Nguyễn Thị B Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết công sức coi nói, sửa chữa, cải tạo di sản thừa kế là nhà đất tại số 23/70 ngõ V Ch, phường V Ch, quận ĐĐ, Hà Nội.

Nhà đất trên các đương sự tự định giá là 470.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật ông Vũ Văn V, ông Vũ Văn M có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoàn tất thủ tục sang tên nhà đất theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông V, ông M mỗi người phải chịu 5.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông V, ông M có đơn đề nghị xin miễn giảm án phí có xác nhận của chính quyền địa phương gia đình ông V, ông M là gia đình chính sách, có hoàn cảnh khó khăn nên miễn giảm cho ông V, ông M mỗi người 50% án phí dân sự sơ thẩm. Ông V phải chịu 2.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông V đã nộp 11.000.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007447 ngày 18/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Đối trừ với số tiền án phí ông V đã nộp, ông V được nhận lại 8.150.000 đồng (Tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp. Ông Vũ Văn M phải chịu 2.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Ngoài ra các đương sự không có yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Đặng Thị Hương